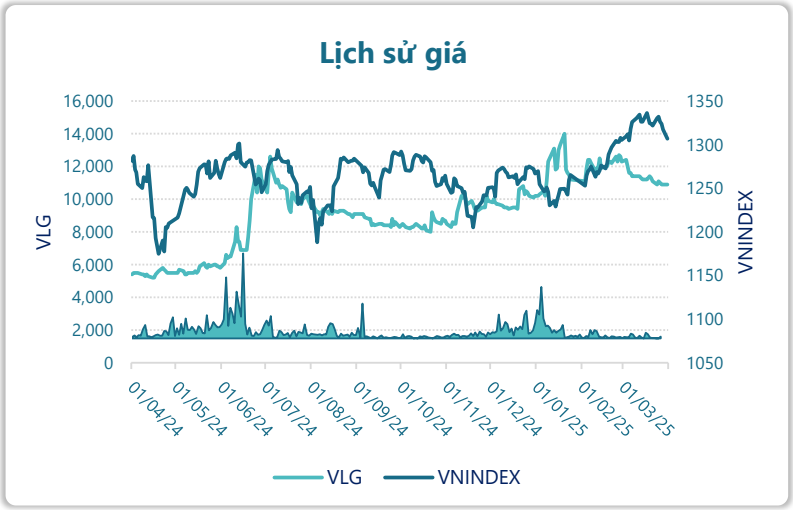
FireAnt

CTCP VIMC Logistics (UPCOM: VLG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
SL cổ phiếu LH	14,162,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45,105
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
P/E	7.1
EPS	1,537

DT thuần

Q1/25

60.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.20| -3.5%

YoY: ▲ 27.6| 84.9%

LN sau thuế

Q1/25

1.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.93| 129%

YoY: ▼6.75| -85.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

21.2%

+/- YoY: ▲ 14.0%

DT thuần

2024

179

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 38.0| 27.2%

LN sau thuế

2024

28.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.5| 184%

ROE

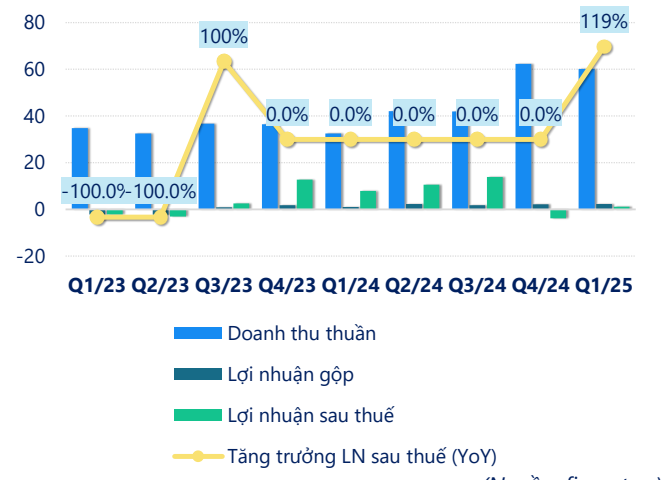
2024

17.5%

+/- YoY: ▲ 10.5%

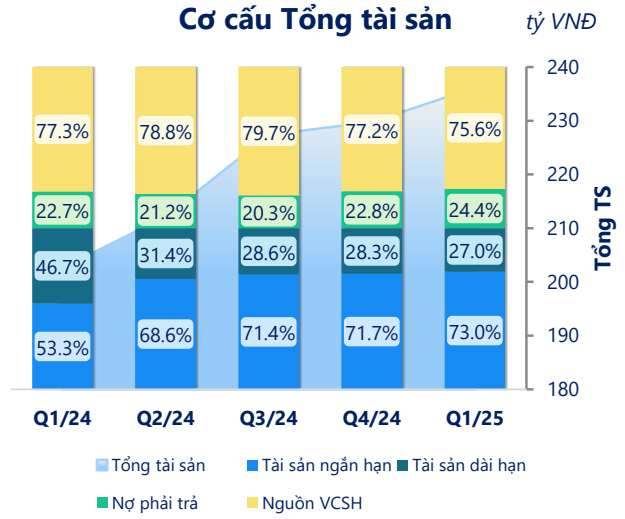
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



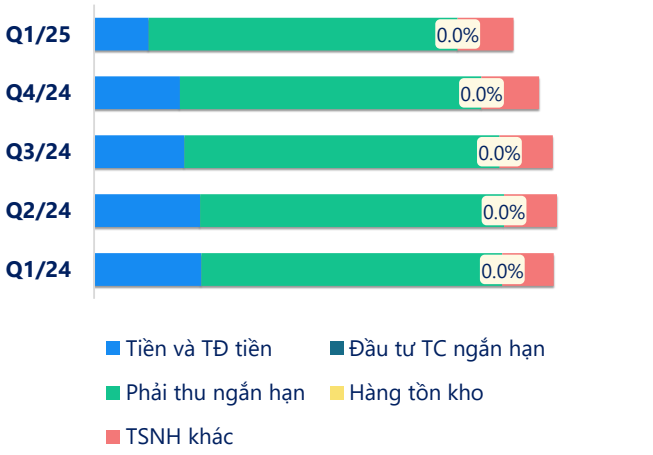
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



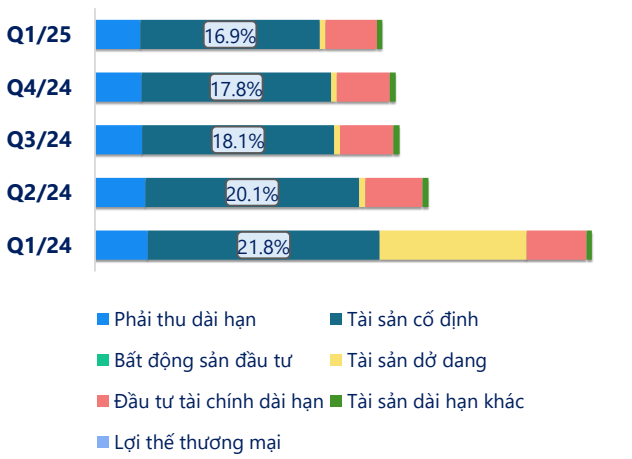
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



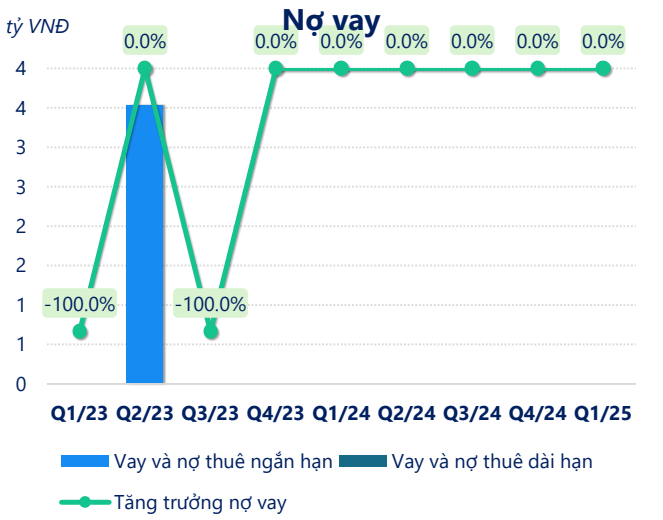
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



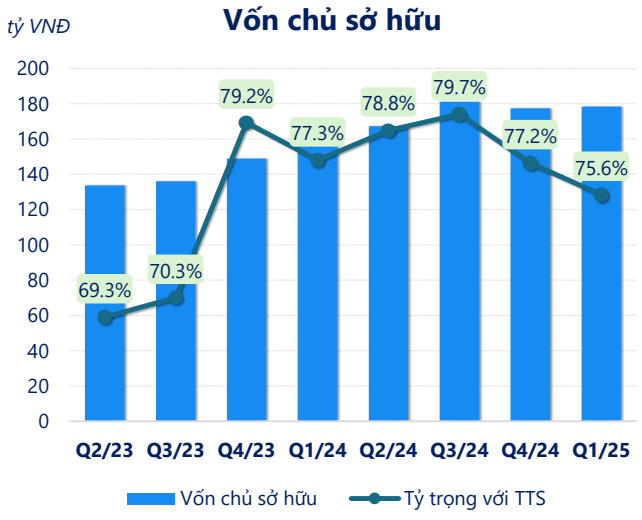
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



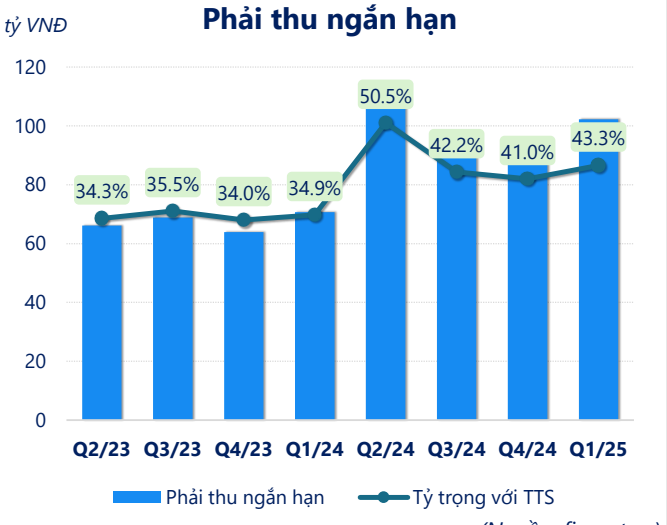
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



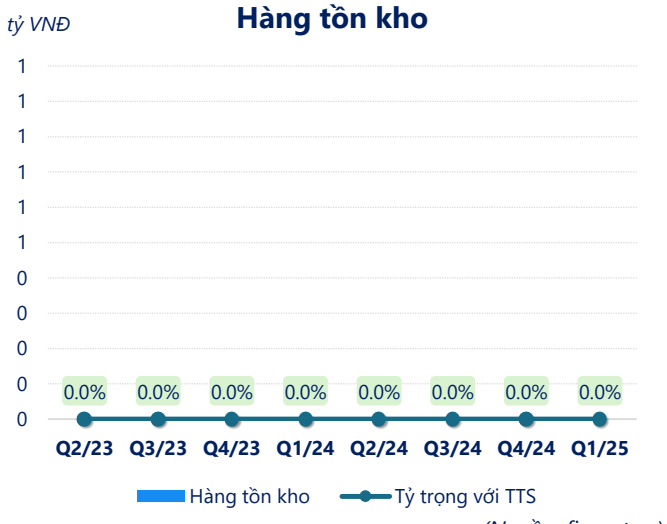
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



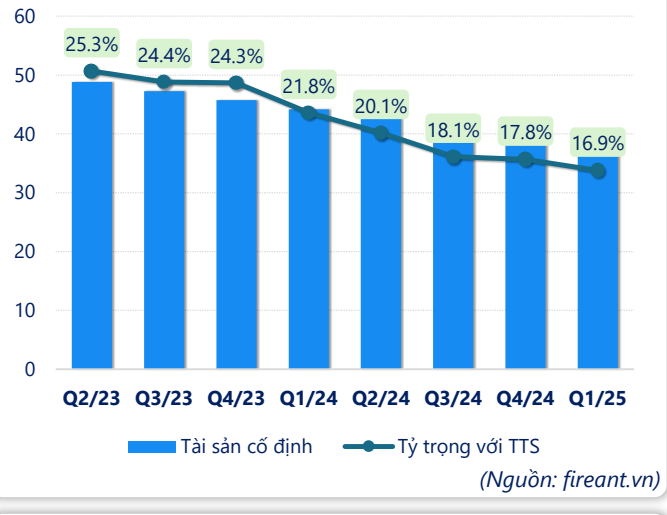
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



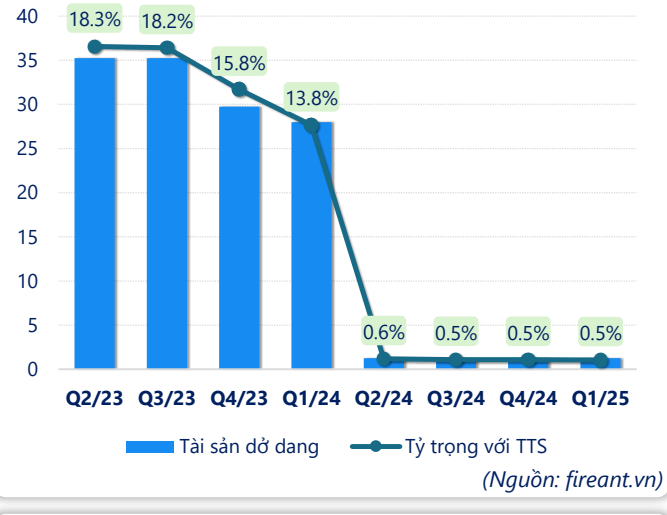
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



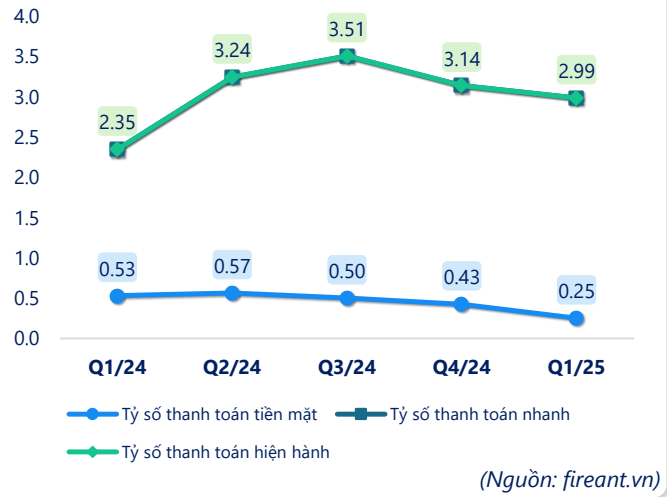
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



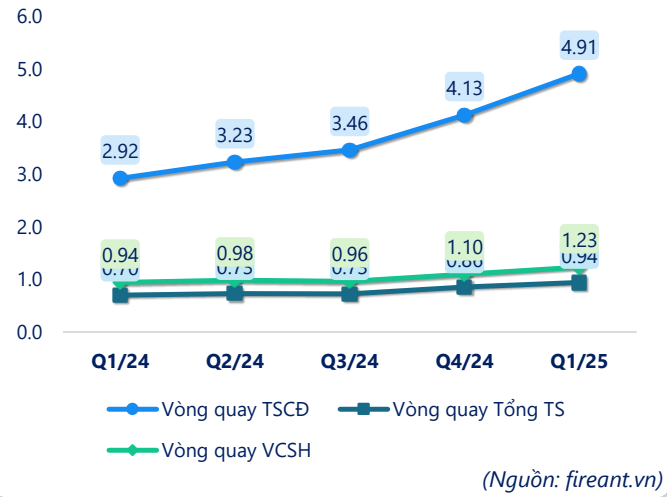
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**203**	**212**	**227**	**230**	**236**
Tài sản ngắn hạn	**108**	**146**	**162**	**165**	**172**
Tiền và tương đương tiền	24.5	25.4	23.2	22.3	14.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	30.0	35.0	42.0
Phải thu ngắn hạn	70.7	107	95.9	94.2	102
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	13.0	13.2	13.3	13.6
Tài sản dài hạn	**94.7**	**66.5**	**65.1**	**65.0**	**63.8**
Phải thu dài hạn	10.1	10.1	10.1	10.1	10.1
Tài sản cố định	44.2	42.6	41.1	40.9	39.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	28.0	1.24	1.24	1.24	1.24
Đầu tư tài chính dài hạn	11.4	11.4	11.4	11.4	11.4
Tài sản dài hạn khác	1.01	1.16	1.31	1.29	1.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**46.0**	**44.9**	**46.2**	**52.4**	**57.7**
Nợ ngắn hạn	**46.0**	**44.9**	**46.2**	**52.4**	**57.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	24.5	28.6	26.2	37.4	45.9
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**157**	**167**	**181**	**177**	**178**
Vốn chủ sở hữu	**157**	**167**	**181**	**177**	**178**
Vốn điều lệ	142	142	142	142	142
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)